

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 23

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Doãn Văn Quang	Chủ tịch
Ông Daisuke Komoto	Ủy viên
Ông Shinijo Suga	Ủy viên
Ông Doãn Trường Giang	Ủy viên
Ông Trần Văn Thiệu	Ủy viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Doãn Văn Quang	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Trưởng ban
Ông Phạm Minh Hưng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Chi	Thành viên

**Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Doãn Văn Quang - Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Doãn Văn Quang**

Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 03 năm 2019

Số: 031502/2019/BCKT-ICPA

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2019, từ trang 6 đến trang 23 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Khúc Đình Dũng**

**Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0748-2018-072-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)**

Ngày 15 tháng 03 năm 2019



**Trần Thiện Thanh**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1932-2018-072-1

*α*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>69.120.870.231</b>	<b>61.784.913.736</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>6.401.787.940</b>	<b>17.819.645.783</b>
1. Tiền	111		5.300.735.943	1.275.435.569
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.101.051.997	16.544.210.214
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>50.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	50.000.000.000	40.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.382.808.512</b>	<b>3.354.371.054</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		133.860.647	232.718.324
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		310.906.250	1.108.850.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	10.896.984.964	1.971.746.079
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		41.056.651	41.056.651
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.4</b>	<b>1.225.180.336</b>	<b>548.423.400</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.225.180.336	548.423.400
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>111.093.443</b>	<b>62.473.499</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	111.093.443	62.473.499
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>121.731.183.690</b>	<b>99.482.447.414</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>58.543.881.593</b>	<b>58.543.881.593</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	58.543.881.593	58.543.881.593
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.397.563.507</b>	<b>9.804.707.692</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	11.977.563.507	9.384.707.692
- Nguyên giá	222		30.278.108.101	27.274.956.499
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.300.544.594)	(17.890.248.807)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	420.000.000	420.000.000
- Nguyên giá	228		725.000.000	725.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(305.000.000)	(305.000.000)
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>39.800.000.000</b>	<b>19.800.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.8	19.800.000.000	19.800.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	20.000.000.000	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.989.738.590</b>	<b>11.333.858.129</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	10.989.738.590	11.333.858.129
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>190.852.053.921</b>	<b>161.267.361.150</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>66.344.701.315</b>	<b>49.442.056.859</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>45.325.741.931</b>	<b>30.851.171.446</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	22.384.424.749	14.299.516.508
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	11.221.452.368	7.804.227.998
3. Phải trả người lao động	314		4.589.459.938	3.078.295.261
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	2.107.519.747	1.648.272.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	4.920.247.658	4.127.838.208
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		102.637.471	(106.978.529)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>21.018.959.384</b>	<b>18.590.885.413</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	21.018.959.384	18.590.885.413
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>124.507.352.606</b>	<b>111.825.304.291</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>124.507.352.606</b>	<b>111.825.304.291</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.537.064.160	19.537.064.160
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.475.109.562	33.475.109.562
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41.495.178.884	28.813.130.569
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		13.535.212.089	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		27.959.966.795	28.813.130.569
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>190.852.953.921</b>	<b>161.267.361.150</b>

Đào Thị Xuyên  
Người lập biểu

Đào Thị Xuyên  
Kế toán trưởng



Doãn Văn Quang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 03 năm 2019



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	437.204.792.088	322.823.186.866
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		12.623.279.974	8.163.556.505
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		424.581.512.114	314.659.630.361
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	331.351.288.111	254.105.320.968
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		93.230.224.003	60.554.309.393
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.744.660.499	3.867.940.253
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	36.085.750.475	21.673.894.179
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	9.044.225.892	7.520.603.321
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		55.844.908.135	35.227.752.146
11. Thu nhập khác	31	VI.6	4.982.725.208	514.024.371
12. Chi phí khác	32	VI.7	2.661.761.280	439.174.257
13. Lợi nhuận khác	40		2.320.963.928	74.850.114
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		58.165.872.063	35.302.602.260
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	10.850.057.748	6.752.678.044
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		47.315.814.315	28.549.924.216

Đào Thị Xuyên  
Người lập biểu

Đào Thị Xuyên  
Kế toán trưởng



Doãn Văn Quang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 03 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	58.165.872.063	35.302.602.260
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.592.400.549	1.625.736.864
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.097.436.981)	(3.867.940.253)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	53.660.835.631	33.060.398.871
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(8.483.437.458)	5.390.810.831
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(676.756.936)	(71.469.064)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	11.830.442.752	11.202.027.003
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	295.499.595	(4.200.659.321)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.411.622.044)	(5.909.167.636)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(655.670.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>49.214.961.540</b>	<b>38.816.270.184</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(5.185.256.364)	(5.907.160.001)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	455.000.000	-
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(30.000.000.000)	(40.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.097.436.981	3.027.214.618
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(27.632.819.383)</b>	<b>(42.879.945.383)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(33.000.000.000)	(21.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(33.000.000.000)</b>	<b>(21.000.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>(11.417.857.843)</b>	<b>(25.063.675.199)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	17.819.645.783	42.883.320.982
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6.401.787.940	17.819.645.783

Đào Thị Xuyên  
Người lập biểu

Đào Thị Xuyên  
Kế toán trưởng



Doãn Văn Quang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 03 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long được thành lập theo Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700433939 cấp lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2003. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 06 tháng 01 năm 2016 vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 3.000.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 215 người (tại 31 tháng 12 năm 2017 là 199 người).

**Nghành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, nhập khẩu mặt hàng nước giải khát có cồn và không có cồn (Bia, rượu và các loại nước giải khát khác);
- Kinh doanh dịch vụ tổng hợp;
- Nhập khẩu trực tiếp máy móc, thiết bị, nguyên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty là Sản xuất, nhập khẩu mặt hàng nước giải khát có cồn và không có cồn.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính [kỳ hoạt động]. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Ghi nhận doanh thu và chi phí**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ghi nhận doanh thu và chi phí (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.280.187.915	529.298.596
Tiền gửi ngân hàng	4.020.548.028	746.136.973
Các khoản tương đương tiền (i)	1.101.051.997	16.544.210.214
<b>Cộng</b>	<b>6.401.787.940</b>	<b>17.819.645.783</b>

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh, lãi suất 4.8%/năm.

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Trung tâm khách hàng Cao Cấp (i)	40.000.000.000	40.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (ii)	10.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (iii)	20.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>-</b>

- (i) Khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Trung tâm khách hàng Cao cấp với thời hạn 6 tháng, lãi suất từ 6%/năm đến 7.2%/năm.
- (ii) Khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long với thời hạn 6 tháng, lãi suất 5,1%/năm.
- (iii) Khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh với thời hạn 24 tháng, lãi suất 7.2%/năm.

**3. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ	6.378.847.526	122.945.860
Tạm ứng	3.002.435.400	1.046.425.900
Phải thu khác	1.515.702.038	802.374.319
<b>Cộng</b>	<b>10.896.984.964</b>	<b>1.971.746.079</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai (i)	58.543.881.593	58.543.881.593
<b>Cộng</b>	<b>58.543.881.593</b>	<b>58.543.881.593</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**3. PHẢI THU NGÁN HẠN KHÁC (TIẾP THEO)**

(i) Khoản chênh lệch giữa giá trị nguồn vốn trước khi chuyển đổi của Công ty CP Bia và NGK Hạ Long tại chi nhánh Đông Mai, và vốn góp thực tế tại Công ty CP Bia và NGK Đông Mai, theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp chi nhánh Đông Mai tại thời điểm 30/09/2009, Công ty CP Bia và NGK Hạ Long góp vốn 19,8 tỷ đồng thành lập công ty Đông Mai. Phần còn lại 58.543.881.593 đồng Công ty CP Bia và NGK Đông Mai phải trả cho Công ty CP Bia và NGK Hạ Long. Khoản phải trả này không bị tính phí sử dụng và có thời gian hoàn trả không quá 10 năm từ ngày Công ty CP Bia và NGK Đông Mai chính thức được thành lập.

**4. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.150.022.131	522.496.862
Công cụ, dụng cụ	10.768.350	4.743.349
Hàng hóa	64.389.855	21.183.189
<b>Cộng</b>	<b>1.225.180.336</b>	<b>548.423.400</b>

**5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGÁN HẠN/DÀI HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước khác	111.093.443	62.473.499
<b>Cộng</b>	<b>111.093.443</b>	<b>62.473.499</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	10.891.097.787	11.205.096.475
Chi phí trả trước khác	98.640.803	128.761.654
<b>Cộng</b>	<b>10.989.738.590</b>	<b>11.333.858.129</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG**Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,  
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận tải truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>									
Số dư đầu năm	1.144.226.254	2.419.878.879	23.374.997.408	335.853.958	27.274.956.499				
Mua trong năm	-	-	5.185.256.364	-	5.185.256.364				
Phân loại lại	-	(42.839.066)	42.839.066	-	-				
Thanh lý	-	-	2.182.104.762	-	2.182.104.762				
Giảm khác	-	-	-	-	-				
Số dư cuối năm	1.144.226.254	2.377.039.813	26.420.988.076	335.853.958	30.278.108.101				
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>									
Số dư đầu năm	377.164.069	2.419.878.879	14.889.053.785	204.152.074	17.890.248.807				
Khấu hao trong năm	77.098.992	-	2.464.016.366	51.285.191	2.592.400.549				
Phân loại lại	-	(42.839.066)	42.839.066	-	-				
Thanh lý	-	-	2.182.104.762	-	2.182.104.762				
Số dư cuối năm	454.263.061	2.377.039.813	15.213.804.455	255.437.265	18.300.544.594				
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>									
Tại ngày đầu năm	767.062.185	-	8.485.943.623	131.701.884	9.384.707.692				
Tại ngày cuối năm	689.963.193	-	11.207.183.621	80.416.693	11.977.563.507				

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 15.216.981.153 đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	420.000.000	305.000.000	725.000.000
Số dư cuối năm	420.000.000	305.000.000	725.000.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	-	305.000.000	305.000.000
Số dư cuối năm	-	305.000.000	305.000.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	420.000.000	-	420.000.000
Tại ngày cuối năm	420.000.000	-	420.000.000

**8. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Đông Mai (i)	19.800.000.000	19.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>19.800.000.000</b>	<b>19.800.000.000</b>

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ tại thời điểm kết thúc năm tài chính

**9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai	20.564.159.060	13.134.664.710
Phải trả nhà cung cấp khác	1.820.265.689	1.164.851.798
<b>Cộng</b>	<b>22.384.424.749</b>	<b>14.299.516.508</b>

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% tất cả các khoản công nợ phải trả người bán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp, bù trừ trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	387.999.374	43.432.997.658	43.410.021.569	410.975.463
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.752.678.044	10.850.057.748	7.411.622.044	10.191.113.748
Thuế thu nhập cá nhân	645.404.929	1.659.228.048	1.747.298.157	557.334.820
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	747.655.426	747.655.426	-
Các loại thuế khác	18.145.651	387.352.718	343.470.032	62.028.337
<b>Cộng</b>	<b>7.804.227.998</b>	<b>57.077.291.598</b>	<b>53.660.067.228</b>	<b>11.221.452.368</b>

**11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí thưởng cho các đại lý	2.045.670.000	1.613.382.000
Các khoản trích trước khác	61.849.747	34.890.000
<b>Cộng</b>	<b>2.107.519.747</b>	<b>1.648.272.000</b>

**12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	28.757.200	45.521.680
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.891.490.458	4.082.316.528
<b>Cộng</b>	<b>4.920.247.658</b>	<b>4.127.838.208</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	21.018.959.384	18.590.885.413
<b>Cộng</b>	<b>21.018.959.384</b>	<b>18.590.885.413</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG**Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,  
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****13. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	19.537.064.160	-	33.475.109.562	23.623.460.444	106.635.634.166			
Lãi trong năm	-	-	-	-	28.549.924.216	28.549.924.216			
Chia cổ tức năm 2016	-	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)			
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.360.254.091)	(2.360.254.091)			
Tạm phân phối cổ tức năm 2017	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)			
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>19.537.064.160</b>	<b>-</b>	<b>33.475.109.562</b>	<b>28.813.130.569</b>	<b>111.825.304.291</b>			
Lãi trong năm	-	-	-	-	47.315.814.315	47.315.814.315			
Tạm ứng cổ tức năm 2018 (i)	-	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)			
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)			
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(1.633.766.000)	(1.633.766.000)			
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>19.537.064.160</b>	<b>-</b>	<b>33.475.109.562</b>	<b>41.495.178.884</b>	<b>124.507.352.606</b>			

(i) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2017 với tỷ lệ 70% vốn điều lệ tương ứng với số tiền 21 tỷ trong đó 10% tương ứng 3 tỷ đã chi trong năm 2017, và tạm ứng cổ tức năm 2018 với số tiền 15 tỷ tương ứng 50% cổ phần, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 104/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018.

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Doãn Trường Giang	4.182.090.000	4.182.090.000
Bà Phạm Thị Hương	6.000.000.000	6.000.000.000
Aseed Holding Co., Ltd	9.400.000.000	9.400.000.000
Ông Đoàn Đức Cẩn	4.500.000.000	4.500.000.000
Các cổ đông khác	5.917.910.000	5.917.910.000
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. DOANH THU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>437.204.792.088</b>	<b>322.823.186.866</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán bia	383.940.155.208	288.020.661.748
- Doanh thu vận chuyển bia	53.264.636.880	34.802.525.118
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>12.623.279.974</b>	<b>8.163.556.505</b>
- Chiết khấu thương mại	12.623.279.974	8.163.556.505
<b>Cộng</b>	<b>424.581.512.114</b>	<b>314.659.630.361</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán bia	304.988.807.877	236.356.207.305
Giá vốn vận chuyển bia	26.362.480.234	17.749.113.663
<b>Cộng</b>	<b>331.351.288.111</b>	<b>254.105.320.968</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	3.388.812.979	1.993.758.215
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.355.847.520	1.874.182.038
<b>Cộng</b>	<b>7.744.660.499</b>	<b>3.867.940.253</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****4. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	9.491.564.963	6.034.323.179
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	7.179.356.661	4.941.899.965
Thuế, phí và lệ phí	49.367.038	26.585.037
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.326.449.994	8.023.819.004
Chi phí khác bằng tiền	4.039.011.819	2.647.266.994
<b>Cộng</b>	<b>36.085.750.475</b>	<b>21.673.894.179</b>

**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.889.324.487	3.968.972.853
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	9.305.996	1.688.330
Chi phí khấu hao TSCĐ	288.709.439	290.713.332
Thuế, phí và lệ phí	750.655.426	468.483.356
Chi phí dịch vụ mua ngoài	440.774.547	602.608.630
Chi phí bằng tiền khác	2.665.455.997	2.188.136.820
<b>Cộng</b>	<b>9.044.225.892</b>	<b>7.520.603.321</b>

**6. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán vỏ chai, lon bia	2.615.325.742	-
Thu bồi hoàn tiền đặt cọc vỏ chai	1.140.726.200	-
Thanh lý tài sản cố định	455.000.000	-
Tiền cho thuê nhà	-	258.181.820
Thu nhập khác	771.673.266	255.842.551
<b>Cộng</b>	<b>4.982.725.208</b>	<b>514.024.371</b>

**7. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí vỏ chai, vỏ lon	1.978.394.840	-
Truy thu, phạt và chậm nộp thuế	344.264.200	-
Tiền hàng bị mất trộm	-	325.070.000
Các khoản khác	339.102.240	114.104.257
<b>Cộng</b>	<b>2.661.761.280</b>	<b>439.174.257</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	58.165.872.063	35.302.602.260
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(3.915.583.320)	(1.539.212.038)
Các khoản điều chỉnh tăng	440.264.200	334.970.000
<i>Chi phí không hợp lý khi tính thuế</i>	440.264.200	334.970.000
Các khoản điều chỉnh giảm	4.355.847.520	1.874.182.038
<i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i>	4.355.847.520	1.874.182.038
Thu nhập chịu thuế	54.250.288.743	33.763.390.222
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>10.850.057.748</u>	<u>6.752.678.044</u>

**9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.538.125.505	8.074.914.027
Chi phí nhân công	30.037.435.205	20.169.926.618
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.592.400.549	1.625.736.864
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.767.224.541	5.441.322.456
Chi phí khác bằng tiền	9.557.270.801	12.153.269.112
Cộng	<u>71.492.456.601</u>	<u>47.465.169.077</u>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai  
Ông Doãn Văn Quang

Mối quan hệ

Công ty con  
Tổng giám đốc

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Mua hàng</b>		
Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai	165.363.999.570	134.634.714.776
Cộng	<u>165.363.999.570</u>	<u>134.634.714.776</u>
<b>Cổ tức nhận được trong năm</b>		
Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai	4.355.847.520	1.874.182.038
Cộng	<u>4.355.847.520</u>	<u>1.874.182.038</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai	58.543.881.593	58.543.881.593
Ông Doãn Văn Quang	300.000.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>58.843.881.593</b>	<b>58.843.881.593</b>
<b>Các khoản phải trả người bán</b>		
Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai	20.564.159.060	13.134.664.710
<b>Cộng</b>	<b>20.564.159.060</b>	<b>13.134.664.710</b>

**Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương	1.190.163.027	904.445.591
<b>Cộng</b>	<b>1.190.163.027</b>	<b>904.445.591</b>

**2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

**3. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

Đào Thị Xuyên  
Người lập biểuĐào Thị Xuyên  
Kế toán trưởngDoãn Văn Quang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 03 năm 2019